TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09-01-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hồng Nhiếp;

Ông Nguyễn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng).

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1963 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp Tắc Năm Căn A, xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 12 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày yêu cầu:

Bà Y và ông Lê Văn T tìm hiểu khoảng 01 năm thì chung sống với nhau vào tháng 3 năm 1995, không có tổ chức đám cưới, do cha mẹ bà Y không đồng ý nên đến nay chưa đăng ký kết hôn.

Trong thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông T thường xuyên đi uống rượu, khi về đánh vợ con, ông bà đã sống ly thân 03 năm nay, quá trình sống ly thân cũng không giải quyết mâu thuẫn, nay yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 04 người con, tên Lê Thị Nh, sinh năm 1995 (Nữ), đã có gia đình sống riêng; Lê Huỳnh Đ, sinh năm 2000 (nam), hiện nay đi bộ đội; Lê Tấn Đ, sinh ngày 18/5//2003 (nam), sống chung gia đình; Lê Chí H, sinh ngày 21/02/2005 (nam), sống chung gia đình.

Trường hợp ly hôn hai người con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu Đ và cháu H muốn sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm chăm sóc và nuôi dưỡng, về cấp dưỡng không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, ông Lê Văn T trình bày:

Ông T và bà Nguyễn Thị Y tìm hiểu khoảng 01 năm thì chung sống với nhau vào tháng 3 năm 1995, không có tổ chức đám cưới, do cha mẹ vợ không đồng ý nên đến nay chưa đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống không có mâu thuẫn, nhưng hơn 01 năm nay mới sống ly thân, nguyên nhân bà Y đi làm ăn ở thành phố Hồ Chí Minh, còn ông thì sống ở nhà. Nay bà Y yêu cầu ly hôn, ông T không đồng ý; trường hợp bà Y cương quyết ly hôn thì do Tòa án quyết định.

Về con chung: có 04 người con là Lê Thị Nh, sinh năm 1995 (Nữ), đã có gia đình sống riêng; Lê Huỳnh Đ, sinh năm 2000 (nam), hiện nay đi bộ đội; Lê Tấn Đ, sinh năm 2003 (nam), sống chung gia đình; Lê Chí H, sinh năm 2005 (nam), sống chung gia đình.

Trường hợp ly hôn hai người con lớn đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu Đ và cháu H theo ai thì người đó có trách nhiệm chăm sóc và nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt;

Bị đơn ông Lê Văn T không đồng ý ly hôn, trường hợp bà Y cương quyết ly hôn thì do Hội đồng xét xử quyết định; về con chung 02 người con lớn trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, 02 người con nhỏ thì theo nguyện vọng của con, con sống chung với ai thì người đó nuôi, không cấp dưỡng; tài sản, công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y và ông Lê Văn T tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1995, đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Theo trình bày của bà Y là ông bà có những bất hòa không thể hàn gắn được, nguyên nhân do ông T không chăm lo cho gia đình, uống rượu về đánh đập vợ nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông bà sống ly thân 03 năm nay. Quá trình sống ly thân cũng không giải quyết được mâu thuẫn nên bà Y yêu cầu ly hôn, không đồng ý rút đơn kiện; ông T không đồng ý ly hôn, trường hợp bà Y cương quyết thì do Tòa án quyết định. Xét thấy, bà Y và ông T chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà Y và ông T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Hai đương sự xác định có 04 người con chung. Trong đó, có chị Nh và anh Đ đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu. Còn cháu Lê Tấn Đ, sinh năm 2003 (nam) và cháu Lê Chí H, sinh năm 2005, hiện nay sống chung gia đình; trường hợp ly hôn con theo ai người đó nuôi.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án làm việc trực tiếp với cháu Đ và cháu H, cháu Đ có nguyện vọng sống chung với cha, cháu H có nguyện vọng sống chung với mẹ nếu cha mẹ các cháu ly hôn. Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của các cháu, giao cháu Đ cho ông T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu H cho bà Y trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn*

yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng bà Y phải chịu, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81; khoản 1 và 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Y và ông Lê Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Lê Tấn Đ, sinh ngày 18/5/2003 (nam) cho ông Lê Văn T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Lê Chí H (nam), sinh ngày 21/02/2005 cho bà Nguyễn Thị Y trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về chia tài sản chung và công nợ: Hai đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng bà Y phải chịu, bà có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0006967 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, án phí bà Y nộp đủ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính